

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày 13 - 5 - 2020

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2019/TLST- DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1967;

Địa chỉ thường trú: 8/3 khu phố Đông B, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; địa chỉ liên hệ: 82 đường số 9, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Võ Tấn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 82 đường 9, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/8/2019). Có mặt.

- Bị đơn: Cụ Phạm Thị T1; sinh năm 1932; Địa chỉ: 15/7 khu phố Thắng Lợi 2, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Hùng A, sinh năm 1986; Địa chỉ: 8/3 khu phố Đông B, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1994; Địa chỉ: 8/3 khu phố Đông B, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị Tuyết H1, sinh năm 1952; Địa chỉ: 15/7 khu phố Thắng Lợi 2, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1957; Địa chỉ: 102 khu phố Tân Hiệp, phường Tân Bình, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị Hồng T2, sinh năm 1958; Địa chỉ: 81/5 đường Bạch Đằng, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1962; Địa chỉ: 39/26 khu phố Tân Hiệp, phường Tân Bình, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

7. Anh Phạm Kiều K, sinh năm 1992; Địa chỉ: 13/6 khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

8. Anh Phạm Kim K1, sinh năm 1998; Địa chỉ: 13/6 khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

9. Ông Phạm Công N, sinh năm 1962; Địa chỉ: 9/7 khu phố Thắng Lợi 2, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

10. Bà Phạm Thị L T4, sinh năm 1964; Địa chỉ: 178/37/1, Tổ 60, phường Pi, thành phố T, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

11. Bà Võ Châu S, sinh năm 1966; Địa chỉ: 288/86/8A đường Huỳnh Văn Lũy, tổ 61, khu 7, phường Pi, thành phố T, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

12. Chị Phạm Thị Trúc Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ: 288/86/8A đường Huỳnh Văn Lũy, tổ 61, khu 7, phường Pi, thành phố T, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

13. Cháu Đặng Khôi V, sinh ngày 23/4/2018; địa chỉ: Số 10, đường ĐT 743, khu phố Thống Nhất 2, phường D, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của cháu Vĩ là chị Đặng Thị Thu A1 (mẹ), sinh năm 1998; thường trú: Số 44/15A, khu phố 1, phường BC, quận TĐ, Thành phố H; tạm trú: Số 10, đường ĐT 743, khu phố Thống Nhất 2, phường D, thành phố D, tỉnh B (là người đại diện theo pháp luật). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

14. Bà Phạm Thị U, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 15/7 khu phố Thắng Lợi 2, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

15. Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 22/26, khu phố Bình Đường 4, phường An Bình, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

16. Bà Phạm Thị A2, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 22/26, khu phố Bình Đường 4, phường An Bình, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Võ Tấn T trình bày:

Ông Nguyễn Hùng C là chồng bà Phạm Thị L (đã chết năm 2010), trong quá trình chung sống ông C và bà L có 02 con chung là Nguyễn Hùng A và Nguyễn Đức H. Ngoài ra, ông Nguyễn Hùng C và bà Phạm Thị L không có nuôi nào khác, bà Phạm Thị L không con riêng nào khác. Bà Phạm Thị L chết không để lại di chúc.

Bà Phạm Thị L có cha là Phạm Văn K2, chết ngày 07/02/2016 và có mẹ là Phạm Thị T1, sinh năm 1932 hiện nay đang còn sống. Cụ K2 và cụ T1 có 12 người con chung gồm:

1. Phạm Thị Tuyết H1
2. Phạm Thị H2
3. Phạm Thị Hồng T2
4. Phạm Thị T3
5. Phạm Tấn T5 (đã chết năm 2017, có vợ tên là Trương Thị Thúy K4 nhưng đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 10/CNLH ngày 08/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh B. Ông Thành và bà Kiều có 02 con chung tên Phạm Kiều K và Phạm Kim K1. Ngoài ra ông Phạm Tấn T5 không có con nuôi, con riêng nào khác)
6. Phạm Công N
7. Phạm Thị L T4.
8. Phạm Phước Đ2 (đã chết ngày 26/01/2015, ông Đ2 có vợ là Võ Châu S. Ông Đ2 và bà S có 02 con chung là Phạm Thị Trúc Đ và Phạm Đức M1 (Phạm Đức M1 chết ngày 07/7/2019), Đức M1 có vợ tên Đặng Thị Thu A1 nhưng đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B, anh Minh và chị Anh có 01 con chung là cháu Đặng Khôi V, sinh ngày 23/4/2018).
9. Phạm Thị L (đã chết năm 2010) là vợ ông Nguyễn Hùng C.
10. Phạm Thị U
11. Phạm Thị H3
12. Phạm Thị A2.

Ngoài những người con có tên họ nêu trên thì ông K2 và bà T1 không có con nuôi nào khác. Cụ Phạm Văn K2 không có con riêng nào khác. Cha mẹ cụ Phạm Văn K2 đã chết trước cụ K2.

Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Hùng C và bà Phạm Thị L có tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 152m² thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C. Nguồn gốc đất này là nhận chuyển nhượng. Trên phần đất tranh chấp không có tài sản gì. Ngoài tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên thì bà Phạm Thị L không có tài sản nào khác.

Bà Phạm Thị L chết năm 2010, nên quyền sử dụng đất diện tích 76m² (152m²/2) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C là di sản thừa kế của bà Phạm Thị L. Ông Nguyễn Hùng C yêu cầu chia di sản nêu trên, yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, hoàn trả lại giá trị bằng tiền cho những đồng thừa kế khác nếu các đồng thừa kế yêu

cầu được nhận di sản của bà Phạm Thị L và đồng ý nhận phần di sản mà những người thừa kế khác tặng.

- Đối với bị đơn cụ Phạm Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng cụ Phạm Thị T1 trình bày:

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Cụ Phạm Thị T1 thống nhất với lời khai của nguyên đơn. Cha, mẹ cụ Phạm Văn K2 không rõ năm sinh, đều đã chết trước cụ Phạm Văn K2 và bà Phạm Thị L, không có giấy chứng tử.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất 76m² (152m²/2) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì cụ Phạm Thị T1 thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hùng A vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng anh Nguyễn Hùng A trình bày

Đối với quan hệ huyết thống của ông Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Anh Nguyễn Hùng A thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Anh Nguyễn Hùng A thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất 76m² (152m²/2) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì anh Nguyễn Hùng A thống nhất đồng thời có ý kiến: Đối với phần di sản thừa kế anh Nguyễn Hùng A được nhận, anh Nguyễn Hùng A tặng lại cho ông Nguyễn Hùng C.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng anh Nguyễn Đức H trình bày

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Anh Nguyễn Đức H thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Anh Nguyễn Đức H thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất 76m² (152m²/2) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì anh Nguyễn Đức H thống nhất đồng thời có ý kiến: Đối với phần di sản thừa kế anh Nguyễn Đức H được nhận, anh Nguyễn Đức H tặng lại cho ông Nguyễn Hùng C.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Tuyết H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng bà Phạm Thị Tuyết H1 trình bày

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị Tuyết H1 thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị Tuyết H1 thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất $76m^2$ ($152m^2/2$) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì bà Phạm Thị Tuyết H1 thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng bà Phạm Thị H2 trình bày

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị H2 thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị H2 thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất $76m^2$ ($152m^2/2$) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì bà Phạm Thị H2 thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng T2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng bà Phạm Thị Hồng T2 trình bày:

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị Hồng T2 thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị Hồng T2 thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất $76m^2$ ($152m^2/2$) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì bà Phạm Thị Hồng T2 thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng bà Phạm Thị T3 trình bày

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị T3 thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị T3 thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất $76m^2$ ($152m^2/2$) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì bà Phạm Thị T3 thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Kiều K và chị Phạm Kim K1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng chị Phạm Kiều K và chị Phạm Kim K1 thống nhất trình bày:

Chị Phạm Kiều K và chị Phạm Kim K1 là con của ông Phạm Tấn T5 và bà Trương Thị Thúy K4. Ông Phạm Tấn T5 đã chết năm 2017. Ông Phạm Tấn T5 và bà Trương Thị Thúy K4 đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 10/CNLH ngày 08/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Dĩ An (thành phố Dĩ An), tỉnh B. Ông Thành và bà Kiều có 02 con chung tên Phạm Kiều K và Phạm Kim K1. Ngoài ra ông Phạm Tấn T5 không có con nuôi, con riêng nào khác.

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Chị Phạm Kiều K và chị Phạm Kim K1 thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Chị Phạm Kiều K và chị Phạm Kim K1 thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất $76m^2$ ($152m^2/2$) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì Chị Phạm Kiều K và chị Phạm Kim K1 thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công N vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng ông Phạm Công N trình bày

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: ông Phạm Công N thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: ông Phạm Công N thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất $76m^2$ ($152m^2/2$) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì ông Phạm Công N thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L T4 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng bà Phạm Thị L T4 trình bày:

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị L T4 thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị L T4 thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất $76m^2$ ($152m^2/2$) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì bà Phạm Thị L T4 thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Châu S vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng bà Võ Châu S trình bày:

Bà Võ Châu S là vợ của ông Phạm Phước Đ2. Ông Phạm Phước Đ2 đã chết ngày 26/01/2015. Trong quá trình chung sống ông Phạm Phước Đ2 và Võ Châu S có 02 con chung là Phạm Thị Trúc Đ và Phạm Đức M1, ngoài Đào và Minh thì ông Phạm Phước Đ2 không có con nuôi, con riêng nào khác. Tuy nhiên, Phạm Đức M1 chết ngày 07/7/2019. Khi còn sống Phạm Đức M1 có vợ tên Đặng Thị Thu A1 nhưng đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh B Trong quá Trình chung sống giữa anh Minh và chị Anh có 01 con chung là cháu Đặng Khôi V, sinh ngày 23/4/2018.

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Bà Võ Châu S thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Bà Võ Châu S thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất $76m^2$ ($152m^2/2$) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì bà Võ Châu S thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Trúc Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng chị Phạm Thị Trúc Đ trình bày:

Chị Phạm Thị Trúc Đ là con của ông Phạm Phước Đ2 và bà Võ Châu S. Ông Phạm Phước Đ2 đã chết ngày 26/01/2015. Trong quá trình chung sống ông Phạm Phước Đ2 và Võ Châu S có 02 con chung là Phạm Thị Trúc Đ và Phạm Đức M1, ngoài Đào và Minh thì ông Phạm Phước Đ2 không có con nuôi, con riêng nào khác. Tuy nhiên, Phạm Đức M1 chết ngày 07/7/2019. Khi còn sống Phạm Đức M1 có vợ tên Đặng Thị Thu A1h nhưng đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh B Trong quá Trình chung sống giữa Minh và Anh có 01 con chung là cháu Đặng Khôi V, sinh ngày 23/4/2018.

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Chị Phạm Thị Trúc Đ thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Chị Phạm Thị Trúc Đ thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất $76m^2$ ($152m^2/2$) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì chị Phạm Thị Trúc Đ thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với chị Đặng Thị Thu A1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đặng Khôi V vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng chị Đặng Thị Thu A1 trình bày:

Chị Đặng Thị Thu A1 là vợ của anh Phạm Đức M1. Anh Minh đã chết ngày 07/7/2019. Anh Phạm Đức M1 và chị Đặng Thị Thu A1 đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh B. Trong quá trình chung sống giữa Minh và Anh có 01 con chung là cháu Đặng Khôi V, sinh ngày 23/4/2018. Ngoài ra anh Minh không còn con riêng, con nuôi nào khác.

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Chị Đặng Thị Thu A1 thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Chị Đặng Thị Thu A1 thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất $76m^2$ ($152m^2/2$) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì chị Đặng Thị Thu A1 thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị U vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng bà Phạm Thị U trình bày:

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị U thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị U thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất $76m^2$ ($152m^2/2$) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì bà Phạm Thị U thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng bà Phạm Thị H3 trình bày:

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị H3 thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị H3 thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất 76m² (152m²/2) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì bà P hạm Thị Hai thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị A2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng bà Phạm Thị A2 trình bày:*

Đối với quan hệ huyết thống của cụ Phạm Văn K2 và quan hệ huyết thống của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị A2 thống nhất với lời khai của cụ Phạm Thị T1.

Đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị A2 thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hùng C về quyền sử dụng đất là diện tích đất 76m² (152m²/2) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C thì bà Phạm Thị A2 thống nhất, đồng thời có ý kiến: Từ chối nhận di sản của bà Phạm Thị L.

Kết quả xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản: Phần quyền sử dụng đất thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1 xã M, huyện C, tỉnh B có diện tích 152 m² (trong đó có 100m² đất ở) trị giá 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị L là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về hàng thừa kế: Do bà Phạm Thị L và cụ Phạm Văn K2 chết không để lại di chúc nên những người thừa kế được xác định theo quy định tại Điều 560 và 561 Bộ luật Dân sự. Quá trình tố tụng, các đương sự đều thống nhất về quan hệ nhân thân của bà Phạm Thị L và quan hệ nhân thân của cụ Phạm Văn K2 nên có cơ sở xác định những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị L gồm: Cụ Phạm Thị T1 (quan hệ với người để lại di sản là mẹ); cụ Phạm Văn K2 (quan hệ với người để lại di sản là cha); ông Nguyễn Hùng C (quan hệ với người để lại di sản là chồng); anh Nguyễn Hùng A (quan hệ với người để lại di sản là con); anh Nguyễn Đức H (quan hệ với người để lại di sản là con). Do cụ Phạm Văn K2 đã chết ngày 07/02/2016 và cha, mẹ cụ Phạm Văn K2 đều đã chết trước cụ Phạm Văn K2 nên người được hưởng kỷ phần của cụ Phạm Văn K2 là:

Cụ Phạm Thị T1 và 11 người con khác của ông K2 gồm:

Bà Phạm Thị Tuyết H1;

Bà Phạm Thị H2;

Bà Phạm Thị Hồng T2;

Bà Phạm Thị T3;

Ông Phạm Tấn T5: Do ông Thành đã chết năm 2017 nên người được hưởng kỷ phần của ông Thành là cụ Phạm Thị T1 và chị Phạm Kiều K và chị Phạm Kim K1;

Ông Phạm Công N;

Bà Phạm Thị L T4;

Ông Phạm Phước Đ2: Do ông Đức đã chết ngày 26/01/2015 nên người được hưởng kỷ phần ông Thành là cụ Phạm Thị T1 và vợ là bà Võ Châu S và 02 con là chị Phạm Thị Trúc Đ và anh Phạm Đức M1 (do anh Phạm Đức M1 chết ngày 07/7/2019 nên người được hưởng kỷ phần của anh Minh là bà Súc và cháu Đặng Khôi V);

Bà Phạm Thị U;

Bà Phạm Thị H3;

Bà Phạm Thị A2.

[3] Về di sản thừa kế: Quá trình tố tụng, các đương sự thống nhất trước khi chết bà Phạm Thị L và cụ Phạm Văn K2 không có di chúc và bà Phạm Thị L có tài sản chung với ông Nguyễn Hùng C là diện tích đất 152m² thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C vì vậy căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình có cơ sở xác định diện tích đất 76m² là di sản thừa kế của bà Phạm Thị L và phần diện tích đất 76m² còn lại là tài sản riêng của ông Nguyễn Hùng C.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là 76m² (trong 152m²) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009 cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C. Theo Biên bản định giá ngày 02/01/2020 xác định toàn bộ diện tích đất 152 m² có trị giá 200.000.000 đồng vì vậy diện tích đất 76m² là di sản thừa kế của bà Phạm Thị L có trị giá 100.000.000 đồng, được chia làm 5 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng 15,2m² tương đương 20.000.000 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, hoàn lại cho các đồng thừa kế khác giá trị bằng tiền tương ứng đối với phần di sản được nhận. Những đồng thừa kế khác là anh Nguyễn Hùng A và anh Nguyễn Đức H đồng ý nhận kỷ phần được chia và tặng lại cho cha là ông Nguyễn Hùng C. Đối với các đồng thừa kế khác là cụ Phạm Thị T1 và những người thừa kế kỷ phần của cụ Phạm Văn K2 và ông Phạm Tấn T5 và ông Phạm Phước Đ2 từ chối nhận di sản, việc từ chối nhận di sản được thể hiện bằng văn bản trước thời điểm Tòa án tiến hành chia di sản thừa kế. Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Hùng C là người trực tiếp quản lý di sản của bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hùng C đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của anh Nguyễn Hùng A, anh Nguyễn Đức H tặng, đồng thời những người được hưởng kỷ phần thừa kế khác có yêu cầu từ chối

nhận di sản, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên căn cứ Điều 620 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận. Do những đồng thừa kế khác đã từ chối, tặng lại kỷ phần cho ông Nguyễn Hùng C nên ông Nguyễn Hùng C được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của bà Phạm Thị L là quyền sử dụng đất có diện tích 76m² (trong 152m² quyền sử dụng đất chung của bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng C) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224.

[5] Ông Nguyễn Hùng C có trách nhiệm liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh BP để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 theo bản án của Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết là phù hợp với các nhận định nêu trên.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà mình được nhận theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu.

[8] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C tự nguyện chịu nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 612, 613, 620, 623, 649, Điểm a Khoản 1 Điều 650, 651, 660 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị L.

Chia di sản của bà Phạm Thị L là quyền sử dụng đất diện tích 76m² (trong 152m²) thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B cụ thể như sau:

Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Phạm Thị T1, bà Phạm Thị Tuyết H1; bà Phạm Thị H2; bà Phạm Thị Hồng T2; bà Phạm Thị T3; chị Phạm Kiều K và Phạm Kim K1; ông Phạm Công N; bà Phạm Thị L T4; bà Võ Châu S; chị Phạm Thị Trúc Đ và chị Đặng Thị Thu A1h (đại diện hợp pháp của cháu Đặng Khôi V); bà Phạm Thị U; bà Phạm Thị H3; bà Phạm Thị A2 về việc từ chối nhận di sản thừa kế của bà Phạm Thị L;

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hùng A, anh Nguyễn Đức H về việc tặng cho ông Nguyễn Hùng C kỷ phần thừa kế của mỗi người được hưởng 15,2m², tổng diện tích 30,4m² tương đương là 40.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Hùng C được hưởng toàn bộ di sản do bà Phạm Thị L để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 76m² trong tổng diện tích 152m² thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh BP. (Sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Nguyễn Hùng C có trách nhiệm liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh BP để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 995748 ngày 22/6/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H – 04224 từ sở hữu chung của ông Nguyễn Hùng C và bà Phạm Thị L sang sở hữu riêng của ông Nguyễn Hùng C theo quy định của Luật đất đai.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Ông Nguyễn Hùng C chịu 1.823.092 đồng được khấu trừ tạm ứng đã nộp. Ông Nguyễn Hùng C đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hùng C phải chịu 5.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029264 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An. Ông Nguyễn Hùng C còn phải nộp 4.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm còn lại.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Kiều Thị Uyên**